

Số: 263 /BC-UBND

Kiên Giang, ngày 19 tháng 7 năm 2021



BÁO CÁO
Công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính
6 tháng đầu năm 2021 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang

Kính gửi: Bộ Tư pháp.

Thực hiện quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012; Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính và Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ và Thông tư số 16/2018/TT-BTP ngày 14/12/2018 của Bộ Tư pháp quy định chế độ báo cáo trong quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật, Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính 6 tháng đầu năm 2021 như sau:

**I. TÌNH HÌNH VÀ KẾT QUẢ CÔNG TÁC THI HÀNH PHÁP LUẬT
VỀ XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH¹**

**II. TÌNH HÌNH VI PHẠM HÀNH CHÍNH VÀ ÁP DỤNG PHÁP LUẬT
VỀ XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH**

1. Tình hình vi phạm hành chính

Công tác xử phạt vi phạm hành chính của tỉnh Kiên Giang từng bước đi vào nền nếp, các vụ việc xảy ra nhìn chung được phát hiện và xử lý kịp thời; trình tự, thủ tục xử phạt thực hiện đảm bảo đúng quy định của pháp luật, xử phạt đúng người, đúng hành vi vi phạm đáp ứng yêu cầu công tác quản lý nhà nước. Việc xử phạt vi phạm hành chính trong thời gian qua đã góp phần quan trọng trong việc đảm bảo an ninh, trật tự an toàn xã hội, hậu quả do hành vi vi phạm gây ra được khắc phục kịp thời, góp phần đảm bảo việc lập lại trật tự pháp luật, thiết lập kỷ cương, ổn định xã hội, phát triển kinh tế của địa phương.

Tuy nhiên, tình hình vi phạm hành chính vẫn còn diễn biến phức tạp; các hành vi vi phạm hành chính về an ninh trật tự, xây dựng công trình nhà ở, đất đai

¹ Đối với báo cáo định kỳ 6 tháng thì không phải báo cáo nội dung này.



(nhiều nhất là hành vi lấn chiếm đất), khoáng sản, vệ sinh an toàn thực phẩm, thủy sản, vi phạm trật tự an toàn giao thông còn xảy ra nhiều, có chiều hướng gia tăng.

Nguyên nhân chính của tình hình vi phạm hành chính là do ý thức chấp hành pháp luật chưa nghiêm, có hành vi vi phạm nhiều lần, cố tình tìm cách trì hoãn hoặc trốn tránh không thực hiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính. Quá trình phát triển đô thị hóa nhanh, kinh tế phát triển không đồng đều, đặc biệt là sự phát triển kinh tế tăng, việc cưỡng chế đối với người vi phạm còn gặp nhiều khó khăn, vướng mắc. Việc thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính thường là chậm trễ hoặc có trường hợp một số đối tượng không tự giác chấp hành quyết định xử phạt hành chính, cơ quan có thẩm quyền lúng túng trong áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt.

2. Tình hình xử phạt vi phạm hành chính

Tổng số vụ vi phạm đã ra quyết định xử phạt: 29.552 vụ việc. Trong đó, tổng số vụ vi phạm đã được phát hiện theo báo cáo của sở, ban, ngành là 14.974 vụ việc; ở các huyện, thành phố là 14.578 vụ việc;

Tổng số đối tượng bị xử phạt: 34.089 đối tượng, trong đó: Tổ chức là 1.763, cá nhân là 32.326 đối tượng;

Tổng số vụ việc có dấu hiệu phạm tội được chuyển để truy cứu trách nhiệm hình sự: 189 vụ (giảm so với cùng kỳ năm 2020 là 06 vụ);

Tổng số vụ áp dụng biện pháp thay thế xử lý vi phạm hành chính đối với người chưa thành niên là: 59 (tăng so với cùng kỳ năm 2020 là 12 vụ);

Tổng số tiền phạt thu được là 36.886.603.000 đồng.

Tổng số tiền thu được từ bán, thanh lý tang vật, phương tiện bị tịch thu là: 2.250.100.000 đồng.

3. Tình hình áp dụng các biện pháp xử lý hành chính

Trong 6 tháng đầu năm 2021, trên địa bàn tỉnh Kiên Giang có tổng số bị lập hồ sơ đề nghị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính là: 439 trường hợp;

Số đối tượng bị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính là: 534 trường hợp;

Số lượng người chưa thành niên được áp dụng biện pháp thay thế quản lý tại gia đình: 02 trường hợp;

Tổ chức thi hành các quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính là: 760 trường hợp.

III. NHỮNG KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC CHỦ YẾU TRONG THỰC TIỄN THI HÀNH PHÁP LUẬT VỀ XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH, NGUYÊN NHÂN VÀ ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Khó khăn, vướng mắc xuất phát từ các quy định pháp luật

1.1. Khó khăn, vướng mắc xuất phát từ các quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính

- Về thời hạn tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính: Chưa có quy định hướng dẫn thủ tục tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với vụ vi phạm do cơ quan tiến hành tố tụng chuyển để xử phạt vi phạm hành chính (Điều 63 Luật Xử lý vi phạm hành chính) mà thời hạn tạm giữ tang vật đã quá thời hạn theo Điều 125 Luật Xử lý vi phạm hành chính nên gây khó khăn cho việc tạm giữ các tang vật để ban hành quyết định xử phạt.

- Theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính và văn bản quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý vi phạm hành chính thì trong quá trình tham gia lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đều đòi hỏi sự tham gia của thủ trưởng các cơ quan (Chủ tịch UBND, Trưởng Công an cấp xã; Trưởng Phòng Tư pháp, Trưởng Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội) mà không có quy định cho phép những chức danh này được giao quyền hay ủy quyền cho cấp phó như trong trường hợp thực hiện thẩm quyền về xử phạt vi phạm hành chính. Điều này gây khó khăn cho địa phương trong trường hợp khuyết Trưởng phòng.

Khoản 1 Điều 126 Luật Xử lý vi phạm hành chính quy định: “*Đối với tang vật, phương tiện đang bị tạm giữ do bị chiếm đoạt, sử dụng trái phép để vi phạm hành chính thuộc trường hợp bị tịch thu thì trả lại cho chủ sở hữu, người quản lý hoặc người sử dụng hợp pháp. Trong trường hợp này, cá nhân, tổ chức vi phạm phải nộp một khoản tiền tương đương trị giá tang vật, phương tiện vi phạm vào ngân sách nhà nước.*”

Áp dụng quy định trên, thời gian qua ở Kiên Giang đã ban hành rất nhiều quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong đó có xử phạt bổ sung “buộc cá nhân vi phạm phải nộp một khoản tiền tương đương trị giá tang vật, phương tiện vi phạm vào ngân sách nhà nước”. Tuy nhiên, hầu hết cá nhân vi phạm điều không chấp hành, vì do các phương tiện vận tải hầu hết có giá trị lớn, người lái xe đa số là làm thuê, thu nhập thấp nên không có khoản tiền tương đương để nộp, dẫn đến quyết định xử phạt không thực hiện. Mặt khác, không loại trừ trường hợp khi sang bán phương tiện chủ sở hữu không thực hiện thủ tục sang tên, đổi chủ theo quy định mà chỉ làm giấy tay dẫn đến việc người vi phạm vừa là lái xe vừa là chủ xe nhưng không có cơ sở để kết luận việc này. Vì vậy, người vi phạm không bị tịch thu xe và cũng không chấp hành một khoản tiền tương đương trị giá phương tiện vi phạm với lý do không có tiền nộp phạt.

1.2. Khó khăn, vướng mắc xuất phát từ các quy định của các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính

Nghị định số 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt, quy định về hành vi “chiếm dụng”, đất của đường bộ việc sử dụng cụm từ “chiếm dụng” là chưa thống nhất với quy định pháp luật hiện hành như: Tại khoản 1, Điều 175 Bộ Luật Dân sự năm 2015, quy định ranh giới giữa các bất động sản “Không được lấn, chiếm, thay đổi mốc giới ngăn cách...”; tại khoản 2 Điều 8 Luật Giao thông đường bộ năm 2008 quy định “lấn, chiếm hoặc sử dụng trái phép đất của đường bộ, hành lang an toàn đường bộ...” và tại Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai, cũng quy định về hành vi “lấn, chiếm đất...”, từ đó khi áp dụng cụm từ “chiếm dụng” dễ làm cho người thực hiện hiểu sai.

2. Khó khăn, vướng mắc trong việc tổ chức thực hiện Luật Xử lý vi phạm hành chính và các văn bản quy định chi tiết thi hành

2.1 Về các điều kiện bảo đảm thi hành Luật

2.1.1. Kinh phí; cơ sở vật chất, kỹ thuật

Kinh phí và các điều kiện, phương tiện là yếu tố có ý nghĩa quan trọng trong việc đảm bảo hiệu quả, chất lượng của hoạt động quản lý xử lý vi phạm hành chính, nhất là việc xây dựng hồ sơ lưu trữ, kho lưu trữ... Thế nhưng hiện nay, chưa có văn bản pháp luật quy định cụ thể về vấn đề này như: Mức chi, nội dung chi, nguồn kinh phí.

Nguồn kinh phí, trang bị, phương tiện phục vụ cho việc thực hiện pháp luật về xử lý vi phạm hành chính đối với một số đơn vị còn hạn chế, phải thuê mượn phương tiện để thực hiện nhiệm vụ.

2.1.2. Tổ chức bộ máy, nhân sự

Theo quy định tại Nghị định số 81/2013/NĐ-CP, Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp có trách nhiệm giúp UBND cùng cấp thực hiện một số nhiệm vụ trong công tác quản lý nhà nước về xử lý vi phạm hành chính. Quyết định số 1950/QĐ-TTg ngày 25/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Xây dựng tổ chức bộ máy, biên chế triển khai thực hiện quản lý thống nhất công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính của Bộ Tư pháp, các Bộ, cơ quan ngang Bộ và các cơ quan tư pháp địa phương”.

Quyết định số 1950/QĐ-TTg quy định cụ thể giải pháp kiện toàn tổ chức các cơ quan tư pháp địa phương để giúp UBND các cấp thực hiện quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính:

“Căn cứ vào yêu cầu và khối lượng công việc quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bổ sung biên chế cho Phòng Tư pháp cấp huyện, bảo đảm mỗi Phòng Tư pháp ít

nhất 01 biên chế chuyên trách thực hiện nhiệm vụ quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn theo quy định của pháp luật”.

Tuy nhiên, hiện nay chưa có văn bản nào của Trung ương quy định việc bố trí biên chế tại cấp huyện, chủ yếu kiêm nhiệm để thực hiện công việc này. Phòng Tư pháp cấp huyện gặp nhiều khó khăn do biên chế không tăng trong khi phải thực hiện nhiệm vụ quản lý công tác xử lý vi phạm hành chính, kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, đưa vào trường giáo dưỡng.

Một số sở, ngành vẫn còn hạn chế cả về số lượng cán bộ, công chức thực thi pháp luật lẫn trình độ chuyên sâu về xử lý vi phạm hành chính.

2.2. Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ

Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, bồi dưỡng nghiệp vụ về xử lý vi phạm hành chính tuy được quan tâm tăng cường nhưng chất lượng, hiệu quả chưa cao.

Công tác tổ chức tập huấn chuyên sâu để thực hiện đúng các quy định của Luật, Nghị định và Thông tư tuy có cố gắng vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu.

Việc phối hợp tuyên truyền, thực hiện kiểm tra, xử lý giữa các cấp, các ngành chưa được chặt chẽ. Một số đơn vị chưa nhận thức rõ ý nghĩa và tầm quan trọng của công tác kiểm tra xử lý vi phạm hành chính, cử cán bộ thi hành công vụ còn mang tính hình thức, hạn chế về chuyên môn nghiệp vụ, dẫn tới hiệu quả của việc tuyên truyền, phổ biến pháp luật còn thấp, làm giảm hiệu quả công tác đấu tranh ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật.

2.3. Việc phối hợp giữa các ngành, cơ quan chức năng trong xử lý vi phạm hành chính

Công tác phối hợp giữa các ngành chức năng có liên quan trong công tác xử lý vi phạm hành chính tuy cố gắng nhưng còn thiếu chặt chẽ, chưa thường xuyên, mặc dù đã có Quyết định số 1040/QĐ-UBND ngày 25/5/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế phối hợp thực hiện quản lý nhà nước công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

2.4. Về việc báo cáo, thống kê

Theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm xây dựng cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính trong phạm vi địa phương, chỉ đạo các sở, ban, ngành cung cấp thông tin để phục vụ công tác xây dựng cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính. Hiện nay, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 20/2016/NĐ-CP 30/03/2016 quy định cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính; Bộ Tư pháp đã có Thông tư số 13/2016/TT-BTP

ngày 30/12/2016 quy định quy trình cung cấp, tiếp nhận, cập nhật thông tin và khai thác sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính. Tuy nhiên, việc triển khai thực hiện, cơ chế về chia sẻ và cung cấp thông tin các đối tượng vi phạm hành chính chưa có, vì vậy rất khó xác định đối với những trường hợp vi phạm hành chính nhiều lần, tái phạm để được xem là tình tiết tăng nặng trong quá trình xử lý vi phạm hành chính. Việc báo cáo, thống kê còn gặp nhiều khó khăn do một số cơ quan chưa quan tâm nhiều đến công tác này, chưa thực hiện tốt việc báo cáo.

2.5. Về công tác kiểm tra, thanh tra

Một số địa phương, đơn vị còn thiếu chủ động trong thực hiện công tác kiểm tra, thanh tra; chưa thực hiện tốt việc theo dõi đôn đốc thực hiện kết luận kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra.

3. Nguyên nhân của những khó khăn, vướng mắc

3.1. Nguyên nhân chủ quan

Lãnh đạo một số ngành, đơn vị, địa phương chưa quan tâm đúng mức đến công tác thi hành pháp luật về quản lý xử lý vi phạm hành chính; cán bộ thực hiện công tác này còn kiêm nhiệm, tuy đã qua tập huấn nghiệp vụ xử lý vi phạm hành chính nhưng tiếp cận xử lý vi phạm trong thực tế còn nhiều lúng túng.

Ý thức chấp hành quyết định xử phạt của cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính nhưng cơ quan, tổ chức được giao tổ chức thi hành quyết định xử phạt chưa thực hiện tốt trách nhiệm đôn đốc thi hành.

Công tác kiểm tra, thanh tra thi hành pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính chỉ thực hiện kiểm tra lồng ghép trong các cuộc thanh tra hành chính, chuyên ngành từ đó hiệu quả chưa cao.

Việc phối hợp giữa các ngành, cơ quan đơn vị, địa phương trong công tác quản lý xử lý vi phạm hành chính chưa đồng bộ, thiếu tính nhịp nhàng và thiếu thường xuyên, dẫn đến việc tổ chức thực hiện còn gặp nhiều khó khăn trong thực hiện nhiệm vụ.

3.2. Nguyên nhân khách quan

Phạm vi thi hành pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính rất rộng, liên quan đến nhiều ngành, nhiều lĩnh vực quản lý nhà nước khác nhau, do đó rất khó khăn trong việc kiểm soát, nhận diện một cách đầy đủ, chính xác các hành vi vi phạm hành chính được quy định trong các nghị định xử phạt vi phạm hành chính chuyên ngành.

Nhiều quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính chưa được rõ ràng, cụ thể, chưa phù hợp trong thực tiễn thi hành.

4. Đề xuất, kiến nghị



- Đề nghị Bộ Tư pháp sớm ban hành Thông tư quy định chi tiết thi hành một số Điều của Nghị định số 19/2020/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ về kiểm tra, xử lý kỷ luật trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

- Tổ chức các lớp tập huấn chuyên sâu về công tác xử lý vi phạm hành chính, đặc biệt là kỹ năng lập hồ sơ, áp dụng pháp luật trong xử lý vi phạm hành chính; sớm đưa cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính vào hoạt động, tập huấn vận hành, sử dụng phần mềm về công tác tích hợp cơ sở dữ liệu.

Trên đây là báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính 6 tháng đầu năm 2021, Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang gửi Bộ Tư pháp để tổng hợp báo cáo Chính phủ./. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục Công tác phía Nam (Bộ Tư pháp);
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, Mặt trận, đoàn thể cấp tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- LĐVP, P. Nội chính;
- Lưu: VT, ntttrng, "HT".

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH




Nguyễn Thanh Nhân

Phụ lục số 01 - Mẫu số 1 (*)

BẢNG TỔNG HỢP SỐ LIỆU BÁO CÁO VỀ XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH

(Kèm theo Báo cáo số 263 BC-UBND ngày 19 tháng 7 năm 2021 của UBND tỉnh về công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính 6 tháng đầu năm 2021 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang)

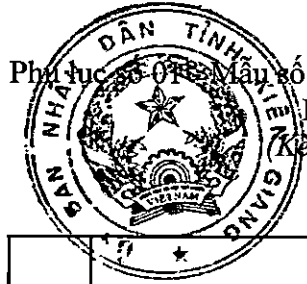
STT	Cơ quan/đơn vị ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính	Tổng số vụ vi phạm			Tổng số đối tượng bị xử phạt						Tổng số quyết định xử phạt vi phạm hành chính	Kết quả thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính					
		Số vụ bị xử phạt vi phạm hành chính	Số vụ chuyển truy cứu trách nhiệm hình sự	Số vụ áp dụng biện pháp thay thế nhắc nhở đối với người chưa thành niên	Tổ chức	Cá nhân				Đối tượng khác bị xử phạt như cá nhân (hộ gia đình, cộng đồng dân cư,...)		Số quyết định đã thi hành	Số quyết định hoãn, miễn, giảm	Số quyết định bị cưỡng chế thi hành	Số quyết định bị khiếu nại, khởi kiện	Tổng số tiền phạt thu được	Tổng số tiền thu được từ bán, thanh lý tang vật, phương tiện bị tịch thu
						Nam		Nữ									
						Dưới 18 tuổi	Từ đủ 18 tuổi trở lên	Dưới 18 tuổi	Từ đủ 18 tuổi trở lên								
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
I	CẤP TỈNH	14.974	76	2	1.246	1.060	12.561	193	1.709	49	15.891	14.251	244			10.255.581.000	1.872.490.000
01	Sở Công Thương	01					01				01	01				25.000.000	
02	Sở Giáo dục và Đào tạo	01					01				01	01					
03	Sở Kế hoạch và Đầu tư	15			15						15	13				317.500.000	
04	Sở Tài chính	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
05	Ngân hàng nhà nước Việt Nam Chi nhánh tỉnh Kiên Giang	01			01						01	01				15.000.000	



06	Bảo hiểm xã hội tỉnh	03			03						03						
07	Cục Thống kê	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
08	Cục Thuế tỉnh	1.101			1.040		53		25	44	1.037	577				2.943.300.000	
09	Công an tỉnh	13.058	73	2	131	1.060	11.845	193	1.672		14.903	12.940	244			23.663.350.000	270.490.000
10	Sở Tài nguyên và Môi trường	49									49	28				1.866.000.000	
11	Vườn Quốc gia Phú Quốc	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
12	Sở Xây dựng	04			04						04	04				205.000.000	
13	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	263	03		01		248		12		263	208				3.067.503.000	1.602.000.000
14	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
15	Sở Giao thông vận tải	458			45		413				458	458				1.700.000.000	
16	Sở Khoa học và Công nghệ	11			06					05	11	11				67.250.000	
17	Sở Thông tin và Truyền thông	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
18	Ban Dân tộc tỉnh	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
19	Cục Hải quan	9									09	09				49.028.5000	
20	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
II	CẤP HUYỆN	14.578	113	57	517	1.626	14.564	263	2.111	2	17.736	14.500	924		1	26.631.022.000	377.610.000
01	Ủy ban nhân dân huyện Tân Hiệp	174				03	283		37		323	313				530.775.000	



02	Ủy ban nhân dân thành phố Rạch Giá	3.433	9		11	278	5.137	51	716		3.966	3.193	234			8.176.821.000	75.490.000
03	Ủy ban nhân dân huyện Giồng Riềng	1.129				25	1.380	25	180		1.660	1.655				2.029.195.000	
04	Ủy ban nhân dân huyện Kiên Lương	946	9	5		114	918	9	105		1.146	1.038				1.766.770.000	61.000.000
05	Ủy ban nhân dân huyện Kiên Hải	375	17		05	26	315	5	64		415	383				201.375.000	
06	Ủy ban nhân dân thành phố Phú Quốc	5.201	31		500	270	4.029	90	724	2	5.615	4.716	455			8.684.985.000	180.000.000
07	Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Thuận	231	4			5	272		37		311	276				391.114.000	
08	Ủy ban nhân dân huyện Giang Thành	146	2	2	1	2	195	3	34		226	198				355.200.000	43.200.000
09	Ủy ban nhân dân huyện An Biên	361				35	440		12		487	408	79			542.475.000	
10	Ủy ban nhân dân huyện Hòn Đất	164					170		13		183	158				270.250.000	
11	Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành	153	7				669				669	576				851.700.000	
12	Ủy ban nhân dân huyện An Minh	1.025	34	50		835	359	80	132		1.406	1.141	156			1.624.735.000	
13	Ủy ban nhân dân huyện Gò Quao	380				33	397		57		487	445			1	533.628.000	17.920.000
14	Ủy ban nhân dân huyện U Minh Thượng	860									842					1.205.541.000	
Tổng cộng: I+II		29.552	189	59	1.763	2.688	27.125	456	3.820	51	33.627	28.751	1.168		1	36.886.603.000	2.250.100.000



Phụ lục Mẫu số 2 (*)

BẢNG TỔNG HỢP SỐ LIỆU BÁO CÁO VỀ ÁP DỤNG CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ HÀNH CHÍNH

(Kèm theo Báo cáo số 263 BC-UBND ngày 19 tháng 7 năm 2021 của UBND tỉnh về công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính 6 tháng đầu năm 2021 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang)

STT	Biện pháp xử lý hành chính	Tổng số đối tượng bị lập hồ sơ đề nghị		Tổng số đối tượng bị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính		Tổng số đối tượng là người chưa thành niên được áp dụng biện pháp thay thế quản lý tại gia đình		Tình hình tổ chức thi hành quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính				
								Tổng số đối tượng đang chấp hành quyết định	Tổng số đối tượng được tạm đình chỉ chấp hành quyết định	Tổng số đối tượng được giảm thời hạn chấp hành quyết định	Tổng số đối tượng được hoãn chấp hành quyết định	Tổng số đối tượng được miễn chấp hành thời gian còn lại
		Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1	Giáo dục tại xã, phường, thị trấn	193	08	162	14	2	0	150	0	0	0	0
2	Đưa vào trường giáo dưỡng	0	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc	8	0	4	0	0	0	10	0	0	0	0
4	Đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc	146	84	323	29	0	0	422	05	0	0	173

Giải thích Mẫu số 2:

(*) Mẫu này dùng để tổng hợp số liệu báo cáo về việc áp dụng các biện pháp xử lý hành chính.

(1) Chữ viết tắt tên của cơ quan lập báo cáo.

(2) Tên của cơ quan lập báo cáo.

- UBND cấp xã: Ghi đầy đủ số liệu đối với Biện pháp xử lý hành chính “Giáo dục tại xã, phường thị trấn” đã thực hiện trong kỳ báo cáo trên địa bàn;

- UBND cấp huyện: Ghi đầy đủ số liệu đối với tất cả các biện pháp xử lý hành chính đã thực hiện trong kỳ báo cáo trên địa bàn;

- UBND cấp tỉnh: Ghi đầy đủ số liệu (từ cột (3) đến cột (8)) đối với tất cả các biện pháp xử lý hành chính đã thực hiện trong kỳ báo cáo trên địa bàn;

- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội: Ghi đầy đủ số liệu đối với Biện pháp xử lý hành chính “Đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc” đã thực hiện trong kỳ báo cáo trên phạm vi toàn quốc;

- Bộ Công an: Ghi đầy đủ số liệu đối với các biện pháp xử lý hành chính “Giáo dục tại xã, phường thị trấn”, “Đưa vào trường giáo dưỡng” và “Đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc” đã thực hiện trong kỳ báo cáo trên phạm vi toàn quốc.